

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN DẦU TIẾNG
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 85/2025/DS-ST

Ngày: 04-6-2025

V/v tranh chấp hợp đồng
vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DẦU TIẾNG, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Minh Đồng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trương Hữu Bình.

2. Ông Bùi Thanh Hải.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thảo – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Đinh Thị Yến – Kiểm sát viên.

Ngày 04/6/2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 90/2025/TLST-DS ngày 13/3/2025 về việc “tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 75/2025/QĐXXST-DS ngày 15/5/2025 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1985; địa chỉ: Ấp H, xã Đ, huyện D, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Lê Văn T1, sinh năm 1995; địa chỉ: Khu phố E, thị trấn D, huyện D, tỉnh Bình Dương (“Hợp đồng ủy quyền” số công chứng 02915 quyền số 05/2025/TP/CC SCC/HĐGD ngày 14/5/2025).

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Tuấn C, sinh năm 1998; đăng ký thường trú: Ấp H, xã Đ, huyện D, tỉnh Bình Dương; chỗ ở hiện nay: Ấp Đ, xã Đ, huyện D, tỉnh Bình Dương.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 1975; nơi cư trú: Ấp H, xã Đ, huyện D, tỉnh Bình Dương; chỗ ở hiện nay: Ấp Đ, xã Đ, huyện D, tỉnh Bình Dương.

Tại phiên tòa, đại diện nguyên đơn ông Lê Văn T1 có mặt; bị đơn ông Nguyễn Tuấn C có mặt; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Thu H có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện ngày 06/6/2024, quá trình tố tụng giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Thị T và người đại diện hợp pháp ông Lê Văn T1 trình bày:*

Bà T không có quan hệ họ hàng gì với ông C mà là hàng xóm với nhau nhưng có một lần ông C vay mượn tiền của bà T. Bà T với bà H cũng không có họ hàng gì nhưng có làm ăn chung với nhau. Bà H với ông C có quan hệ là mẹ con ruột của nhau.

Bà T tham gia chơi rất nhiều dây hụi do bà H làm chủ (hụi tháng, hụi tuần và hụi ngày) và bà T có cho bà H vay mượn tiền nhiều lần để làm ăn. Việc góp tiền hụi và vay mượn tiền giữa bà T với bà H, hiện nay bà T chưa khởi kiện bà H ra Tòa án, giữa hai bên còn đang thương lượng.

Do quen biết nên trước ngày 12/9/2022, ông C có hỏi vay mượn tiền của bà T để làm ăn thì bà T đồng ý, còn mục đích ông C vay làm ăn gì thì bà T không biết. Khi thỏa thuận vay, bà T và ông C không thỏa thuận lãi suất vì khi đó ông C nói cần vốn làm ăn trong thời gian ngắn. Ngày 12/9/2022, bà T có cho ông C vay số tiền là 500.000.000 đồng, vay bằng hình thức chuyển khoản, không có làm giấy tờ gì. Bà T chuyển số tiền 500.000.000 đồng từ tài khoản của bà T 65210001501401 mở tại Ngân hàng B đến số tài khoản của ông C 65210001652974 mở tại Ngân hàng B. Bà T xác định là bà T cho cá nhân ông C vay chứ không có việc thông qua ông C cho ai khác vay tiền. Thời điểm cho vay, ông C làm nhân viên giao dịch tại Ngân hàng B - Phòng G.

Số tiền vay 500.000.000 đồng, hiện ông C đã thanh toán cho bà T được số tiền 120.000.000 đồng, ông C thanh toán bằng tiền mặt, ông C thanh toán thông qua bà H đưa cho bà T. Việc, bà T nhận tiền từ bà H số tiền 120.000.000 đồng, hai bên không lập văn bản giấy tờ gì mà chỉ đưa và nhận tiền. Ông C thanh toán 120.000.000 đồng cho bà T cách ngày vay khoảng 02 tháng còn ngày cụ thể thì bà T không nhớ.

Theo đơn khởi kiện, bà T khởi kiện yêu cầu buộc ông C phải thanh toán lại số tiền gốc là 380.000.000 đồng của khoản vay 500.000.000 đồng vào ngày 12/9/2022 theo hình thức chuyển khoản từ tài khoản của bà T 65210001501401 mở tại Ngân hàng B đến số tài khoản của ông C 65210001652974 mở tại Ngân hàng B; bà T không yêu cầu ông C trả tiền lãi suất.

Tại phiên tòa, bà T xác định chỉ yêu cầu ông C phải thanh toán số tiền 360.000.000 đồng của khoản vay 500.000.000 đồng vào ngày 12/9/2022 theo hình thức chuyển khoản từ số tài khoản của bà T 65210001501401 mở tại Ngân hàng B đến số tài khoản của ông C 65210001652974 mở tại Ngân hàng B; bà T

chấp nhận trừ số tiền 20.000.000 đồng mà bà H đã chuyển khoản cho bà T vào tháng 6/2024 và tháng 7/2024; bà T không yêu cầu ông C trả tiền lãi suất. Đồng thời, bà T yêu cầu bà H phải có trách nhiệm cùng liên đới thanh toán số tiền trên vì bà T thừa nhận có nhận số tiền và có đứng ra thanh toán một phần số tiền nói trên.

- *Chứng cứ nguyên đơn bà Nguyễn Thị T cung cấp:* Đơn khởi kiện ngày 06/6/2025 của bà T (bản gốc); Sao kê tài khoản tiền gửi khách hàng của bà T in ngày 05/6/2024 và in ngày 04/4/2025 (bản gốc); Bản ảnh chụp màn hình điện thoại; Bản tự khai ngày 06/6/2024, ngày 04/4/2025 (bản gốc); Biên bản lấy lời khai đối với bà T và bà P ngày 04/4/2025 và ngày 17/4/2025 (bản gốc); “Giấy ủy quyền” số công chứng 03402 quyền số 06/2024/TP/CC SCC/HĐGD ngày 06/6/2024 ký kết giữa bà T với ông P1 (bản gốc); “Hợp đồng ủy quyền” số công chứng 04383 quyền số 07/2024/TP/CC SCC/HĐGD ngày 16/7/2024 ký kết giữa bà T với ông P1 (bản gốc); “Hợp đồng ủy quyền” số công chứng 1496 quyền số 01/2025/TP/CC SCC/HĐGD ngày 01/4/2025 ký kết giữa bà T với bà P (bản gốc); “Hợp đồng ủy quyền” số công chứng 02915 quyền số 05/2025/TP/CC SCC/HĐGD ngày 14/5/2025 giữa bà T với ông T1 (bản gốc).

*** *Quá trình tố tụng cũng như tại phiên tòa, bị đơn ông Nguyễn Tuấn C trình bày:***

Ông C thống nhất về mối quan hệ với bà T. Tuy nhiên, giữa ông C với bà T không có làm ăn chung và ông C không có vay mượn tiền của bà T. Bà H với ông C có quan hệ là mẹ con ruột của nhau. Giữa bà T với bà H là có quan hệ là bà T tham gia chơi rất nhiều hụi của bà H làm chủ (hụi tháng, hụi tuần và hụi ngày) và bà T có cho bà H vay mượn tiền để làm ăn. Việc vay mượn tiền giữa bà T với bà H thì hiện nay giữa bà T với bà H còn số tiền nợ liên quan đến số tiền 500.000.000 đồng mà bà T đang khởi kiện ở Tòa án. Việc góp tiền hụi giữa bà T với bà H đã được giải quyết xong vào thời điểm tháng 4/2024.

Giữa ông C với bà T không có quan hệ vay mượn tiền. Riêng ngày 12/9/2022, thì bà T có cho bà H vay số tiền 500.000.000 đồng nhưng hai bên thỏa thuận chuyển tiền thông qua việc bà H mượn số tài khoản của ông C để nhận tiền từ bà T. Ngày 12/9/2022, bà T có chuyển cho ông C để bà T cho bà H vay số tiền là 500.000.000 đồng. Bà T chuyển số tiền 500.000.000 đồng từ số tài khoản của bà T 65210001501401 mở tại Ngân hàng B đến số tài khoản của ông C 65210001652974 mở tại Ngân hàng B (hiện nay B rút ngắn số tài khoản còn 6521652974). Bà T cho bà H là mẹ ông C vay tiền nhưng hai bên nhờ bà T chuyển tiền thông qua tài khoản của ông C và ông C cũng đã rút tiền giao lại cho mẹ là bà H, việc này bà H đã thừa nhận.

Thời điểm nhận tiền thì ông C làm nhân viên giao dịch tại Ngân hàng B - Phòng G còn hiện nay ông C làm việc tại Ngân hàng B - Chi nhánh M.

Số tiền vay 500.000.000 đồng, bà H đã thanh toán cho bà T được số tiền 120.000.000 đồng cách thời gian vay khoảng 02 tháng và thanh toán bằng tiền mặt, đồng thời vào tháng 6/2024 bà H thanh toán tiếp số tiền là 10.000.000 đồng

và tháng 7/2024 bà H thanh toán tiếp số tiền là 10.000.000 đồng. Tổng số tiền bà H thanh toán cho bà T là 140.000.000 đồng (thanh toán 120.000.000 đồng bằng tiền mặt, 02 lần 10.000.000 đồng thanh toán bằng chuyển khoản).

Đối với yêu cầu khởi kiện của bà T thì ông C có ý kiến: Bà T khởi kiện yêu cầu ông C trả lại số tiền gốc là 380.000.000 đồng của khoản vay 500.000.000 đồng vào ngày 12/9/2022 theo hình thức chuyển khoản từ số tài khoản của bà T 65210001501401 mở tại Ngân hàng B đến số tài khoản của ông C 65210001652974 mở tại Ngân hàng B thì ông C không đồng ý, số tiền này ông C không vay mượn của bà T; số tiền này bà H là người mượn và bà H đã có ý kiến là chấp nhận thanh toán cho bà T.

- *Chứng cứ bị đơn ông C cung cấp*: CCCD của ông C (bản sao); Bản tự khai của ông C ngày 04/4/2025 (bản gốc); Biên bản lấy lời khai đối với ông C ngày 04/4/2025.

*** Quá trình tố tụng cũng như tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Thu H trình bày:**

Bà H hoàn toàn thống nhất ý kiến với ông C. Giữa bà T với bà H có quan hệ là bà T tham gia chơi rất nhiều dây hụi của bà H làm chủ (hụi tháng, hụi tuần và hụi ngày) và bà T có cho bà H vay mượn tiền để làm ăn. Hiện nay, giữa bà T với bà H còn số tiền nợ liên quan đến số tiền 500.000.000 đồng mà bà T đang khởi kiện ở Tòa án. Việc góp tiền hụi giữa bà T với bà H đã được giải quyết xong.

Trước ngày 12/9/2022, bà H có nhu cầu cần vay tiền nên hỏi vay thì bà T đồng ý. Do bà T có tiền trong tài khoản mà bà H đang cần tiền mặt nên bà H có nói với bà T chuyển thông qua tài khoản của ông C để ông C rút tiền mặt đem về cho bà H.

Ngày 12/9/2022, bà T có chuyển cho ông C để bà T cho bà H vay số tiền là 500.000.000 đồng. Bà T có chuyển số tiền 500.000.000 đồng từ số tài khoản của bà T 65210001501401 mở tại Ngân hàng B đến số tài khoản của ông C 65210001652974 mở tại Ngân hàng B. Việc bà H nhờ bà T chuyển thông qua tài khoản của ông C là vì ông C làm nhân viên của ngân hàng nên thuận tiện trong việc rút tiền mang về cho bà H.

Đến nay, bà H đã thanh toán cho bà T được số tiền 140.000.000 đồng, cụ thể: Thanh toán tiền mặt 120.000.000 đồng vào ngày 20/11/2022, chuyển khoản 10.000.000 đồng vào ngày 12/6/2024 và chuyển khoản 10.000.000 đồng vào ngày 13/7/2024.

Tại phiên tòa, bà T xác định chỉ yêu cầu phải trả số tiền 360.000.000 đồng của khoản vay 500.000.000 đồng vào ngày 12/9/2022 theo hình thức chuyển khoản từ số tài khoản của bà T 65210001501401 mở tại Ngân hàng B đến số tài khoản của ông C 65210001652974 mở tại Ngân hàng B thì bà H có ý kiến là bà H không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà T, số tiền này ông C không vay mượn của bà T; số tiền này bà H là người mượn và bà H chấp nhận thanh toán cho bà T.

- *Chứng cứ người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà H cung cấp: CCCD của bà Nguyễn Thị Thu H (bản sao); Sao kê tài khoản tên Nguyễn Thị Thu H của V ngày 04/4/2024 (bản gốc); 06 bản photo ghi tiền hụi; Bản tự khai ngày 04/4/2025 và ngày 18/4/2025 (bản gốc); Biên bản lấy lời khai đối với bà H ngày 04/4/2025.*

*** *Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng có ý kiến:***

Quá trình tố tụng cũng như diễn biến tại phiên tòa, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án đã tiến hành thu thập chứng cứ, công khai chứng cứ, hòa giải, xét xử đúng trình tự, thủ tục tố tụng. Tại phiên tòa, đại diện nguyên đơn ông Lê Văn T1 có mặt; bị đơn ông Nguyễn Tuấn C có mặt; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Thu H có mặt, như vậy đã đảm bảo sự có mặt của các bên đương sự. Quan hệ pháp luật tranh chấp “tranh chấp hợp đồng vay tài sản”. Về thủ tục tố tụng, không kiến nghị bổ sung hay khắc phục. Về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà T theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Từ những tài liệu chứng cứ đã thu thập có trong hồ sơ vụ án. Sau khi nghe lời trình bày của các đương sự tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định,

[1] Tại phiên tòa xét xử sơ thẩm, đại diện nguyên đơn ông Lê Văn T1 có mặt; bị đơn ông Nguyễn Tuấn C có mặt; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Thu H có mặt, như vậy đã đảm bảo sự có mặt của các bên đương sự theo quy định.

[2] Xem xét đơn khởi kiện ngày 06/6/2024 và các tài liệu chứng cứ của nguyên đơn bà T cung cấp thì bà T khởi kiện yêu cầu giải quyết buộc ông C và bà H liên đới thanh toán số tiền là 360.000.000 đồng là phần nợ còn lại của khoản vay 500.000.000 đồng vào ngày 12/9/2022 theo hình thức chuyển khoản từ số tài khoản của bà T 65210001501401 mở tại Ngân hàng B đến số tài khoản của ông C 65210001652974 mở tại Ngân hàng B. Quá trình tố tụng xác định được ông C và bà H hiện vẫn cư trú tại xã Đ, huyện D, tỉnh Bình Dương. Xét thấy, bị đơn ông C có nơi cư trú tại ấp Đ, xã Đ, huyện D, tỉnh Bình Dương nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng theo quy định tại các Điều 26, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Quan hệ pháp luật là “tranh chấp hợp đồng vay tài sản”. Tại phiên tòa, các bên đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Quá trình tố tụng, các bên đương sự đều thừa nhận giữa các bên đương sự có giao dịch khoản vay 500.000.000 đồng vào ngày 12/9/2022 theo hình thức chuyển khoản từ số tài khoản của bà T 65210001501401 mở tại Ngân hàng B đến số tài khoản của ông C 65210001652974 mở tại Ngân hàng B. Đồng thời,

các bên cũng thừa nhận đến thời điểm hiện tại phía bên vay tiền đã thanh toán được số tiền là 140.000.000 đồng và còn nợ lại số tiền 360.000.000 đồng. Việc thừa nhận của các bên đương sự là tình tiết, sự việc không cần phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Quá trình tố tụng, nguyên đơn bà T xác định giao dịch khoản vay 500.000.000 đồng vào ngày 12/9/2022 theo hình thức chuyển khoản từ số tài khoản của bà T 65210001501401 mở tại Ngân hàng B đến số tài khoản của ông C 65210001652974 mở tại Ngân hàng B là cho cá nhân ông C vay chứ không thông qua ông C để cho bà H vay tiền. Ngược lại, bị đơn ông C và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà H xác định, bà H mới là người vay tiền còn ông C nhận tiền chỉ là người trung gian, là bà H nhờ bà T chuyển tiền vay cho bà H thông qua tài khoản của ông C. Tuy nhiên, phía bị đơn ông C và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà H chỉ trình bày nhưng không có căn cứ chứng minh việc giữa bà H với bà T nhờ ông C làm người trung gian. Đồng thời, quá trình tố tụng cũng như tại phiên tòa bà H xác định tại thời điểm giao dịch thì bà H có mở tài khoản tại ngân hàng V với số tài khoản 0841000115530 và tại ngân hàng V1 với số tài khoản 797975799 đứng tên Nguyễn Thị Thu H và sử dụng số tài khoản này để thanh toán cho bà T vào ngày 12/6/2024 và ngày 13/7/2024. Điều này cho thấy, bà H vẫn có số tài khoản và đang còn hoạt động nên không thể nói nhờ bà T chuyển tiền thông qua tài khoản của ông C. Như vậy, có căn cứ xác định người vay tiền là ông C.

Quá trình tố tụng cũng như tại phiên tòa, bà H thừa nhận có sử dụng số tiền bà T cho vay là 500.000.000 đồng vào ngày 12/9/2022 theo hình thức chuyển khoản từ số tài khoản của bà T 65210001501401 mở tại Ngân hàng B đến số tài khoản của ông C 65210001652974 mở tại Ngân hàng B và bà H đã trực tiếp thanh toán cho bà T 140.000.000 đồng, cụ thể: Thanh toán tiền mặt 120.000.000 đồng vào ngày 20/11/2022, chuyển khoản 10.000.000 đồng vào ngày 12/6/2024 và chuyển khoản 10.000.000 đồng vào ngày 13/7/2024. Như vậy, thể hiện bà H phải có trách nhiệm liên đới cùng với ông C thanh toán số tiền nợ còn lại cho bà T.

Theo quy định tại các Điều 463, 466, 469 của Bộ luật Dân sự năm 2015, đến thời điểm xét xử, không có căn cứ nào xác định ông C và bà H đã thanh toán cho bà T số tiền vay còn lại 360.000.000 đồng. Do đó, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà T là có căn cứ nên được chấp nhận.

[4] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát về phần thủ tục tố tụng, người tham gia tố tụng, quan hệ pháp luật tranh chấp cũng như nội dung đề nghị giải quyết là phù hợp pháp luật.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông C và bà H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 26, 35, 39, 147, 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ các Điều 463, 466, 469 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Căn cứ Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn một số quy định pháp luật về lãi suất.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc “tranh chấp hợp đồng vay tài sản” của bà Nguyễn Thị T đối với ông Nguyễn Tuấn C và bà Nguyễn Thị Thu H.

1.1. Buộc ông Nguyễn Tuấn C và bà Nguyễn Thị Thu H có nghĩa vụ liên đới thanh toán cho bà Nguyễn Thị T số tiền vay còn nợ lại là 360.000.000 đồng (*ba trăm sáu mươi triệu đồng*) của khoản vay 500.000.000 đồng (*năm trăm triệu đồng*) vào ngày 12/9/2022 theo hình thức chuyển khoản từ số tài khoản của bà T 65210001501401 mở tại Ngân hàng B đến số tài khoản của ông C 65210001652974 mở tại Ngân hàng B.

1.2. Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không thanh toán số tiền nêu trên thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

2.1. Buộc ông Nguyễn Tuấn C và bà Nguyễn Thị Thu H phải chịu toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm là 18.000.000 đồng (*mười tám triệu đồng*).

2.2. Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị T toàn bộ số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 9.500.000 đồng (*chín triệu năm trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000203 ngày 20/6/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

3. Quyền kháng cáo:

Nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án, ngày 04/6/2025.

4. Quyền yêu cầu thi hành án:

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Dầu Tiếng;
- CCTHA DS huyện Dầu Tiếng;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Minh Đông